

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 20-8-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ D, TỈNH B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kiều Thị Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ;

Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh B.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân thị xã D, tỉnh B tham gia phiên tòa: Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 455/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ma Ri G, sinh năm 1980; thường trú: Ấp 4, xã X, huyện XL, tỉnh Đ; địa chỉ liên lạc: Số 520 Hồng Bàng, Phường 16, Quận 11, Thành phố H. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt

- Bị đơn: Anh Đặng Văn H, sinh năm 1979; thường trú: Số 413/26/5 Lê Văn Sỹ, Phường 12, Quận 3, Thành phố H; tạm trú: 65/3, khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 23/4/2018 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Ma Ri G trình bày:

Về hôn nhân: Chị Ma Ri G và anh Đặng Văn H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện XL, tỉnh Đ, theo giấy chứng nhận kết hôn số 47/TP, quyền số 01/2003 cấp ngày 07/4/2003.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại Thành phố H sau đó một thời gian về tại số 65, khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh B sinh sống. Năm 2005, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn chị Ma Ri G đã đến Thành phố H sinh sống còn ông Đặng Văn H vẫn sinh sống tại Dĩ An, Bình Dương. Do không có thời gian tìm hiểu nhau nên trong cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không có sự

chia sẻ, không có tiếng nói chung. Chị Ma Ri G xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Văn H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Mo Ha Med A M, sinh ngày 30/5/2003. Sau khi ly hôn chị Ma Ri G có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Đặng Văn H cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay cháu Mo Ha Med A M đang ở với chị Ma Ri G.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ chung về tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về phía bị đơn anh Đặng Văn H:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 15/6/2018 yêu cầu anh Đặng Văn H có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của chị Ma Ri G và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Đặng Văn H không tham gia, không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Ngày 26/7/2018 và ngày 20/8/2018, Tòa án tiến hành xét xử vụ án, anh Đặng Văn H được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không có ý kiến và không cung cấp bất cứ tài liệu chứng cứ gì thể hiện việc đồng ý hay không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của chị Ma Ri G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn được triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa, tuy nhiên có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 26/7/2018 và ngày 20/8/2018 nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định. Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Ma Ri G thì đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường T, thị xã D, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh B theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 26/7/2018 và ngày 20/8/2018 nhưng đều vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3] Về hôn nhân: Chị Ma Ri G và anh Đặng Văn H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện XL, tỉnh Đ, theo giấy chứng nhận kết hôn số 47/TP, quyển số 01/2003 cấp ngày 07/4/2003 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt

được mục đích đó, vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Căn cứ vào lời khai của chị Ma Ri G thì sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do vợ chồng trước khi kết hôn không có thời gian tìm hiểu, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã và đã sống ly thân từ năm 2005. Nay, chị Ma Ri G xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn anh Đặng Văn H. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã nhiều lần triệu tập anh Đặng Văn H tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Đặng Văn H không đến Tòa án, điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn và không muốn hàn gắn, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không đạt được mục đích. Vì vậy, xét thấy không thể kéo dài cuộc sống chung của vợ chồng nên yêu cầu ly hôn của chị Ma Ri G là có cơ sở phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Ma Ri G và anh Đặng Văn H có 01 con chung là cháu Mo Ha Med A M, sinh ngày 30/5/2003, chị Ma Ri G có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần phải xem xét về mọi mặt, quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy trong quá trình tố tụng, anh Đặng Văn H không có ý kiến về vấn đề con chung và từ khi vợ chồng sống ly thân con chung ở với chị Ma Ri G do chị Ma Ri G trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời tại bản tự khai ngày 15/3/2018 cháu Mo Ha Med A M có nguyện vọng ở với mẹ là chị Ma Ri G. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình có cơ sở chấp nhận giao con chung tên Mo Ha Med A M, sinh ngày 30/5/2003 cho chị Ma Ri G trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Ma Ri G về việc không yêu cầu anh Đặng Văn H cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đặng Văn H có quyền đi lại thăm con.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Ma Ri G không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm nhân dân thị xã D, tỉnh B.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ma Ri G phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Ma Ri G được ly hôn với anh Đặng Văn H.

2. Về con chung: Buộc anh Đặng Văn H giao cháu Mo Ha Med A M, sinh ngày 30/5/2003 cho chị Ma Ri G trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đặng Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Ma Ri G và anh Đặng Văn H đều có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh Đặng Văn H lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị Ma Ri G nuôi con thì chị Ma Ri G có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ma Ri G phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0019356 ngày 03/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh B.

5. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh B (1);
- VKSND thị xã D (1);
- Chi cục THADS thị xã D(1);
- UBND X.X, H.XL, tỉnh Đ (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Kiều Thị Uyên